

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2025

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản
sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

2. Bà Huỳnh Thị Thuỳ Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Lệ Quân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn A, xã N, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố B, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy uỷ quyền ngày 17/3/2025). Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim Ú, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn N, xã N, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 2001; địa chỉ: B đường N, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo hợp đồng uỷ quyền ngày 04/6/2025). Có mặt.

3. Người làm chứng:

- Bà Đầu Thị Xuân P, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn N, xã N, tỉnh Quảng Ngãi). Có mặt.

- Bà Đầu Thị Xuân B, sinh năm 1974; địa chỉ: 7 đường Q, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 7 đường Q, phường A, thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2025, biên bản đối chất ngày 12/6/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú kết hôn năm 2018. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng anh S, chị Ú xảy ra mâu thuẫn nên chị Ú có đơn khởi kiện ly hôn anh S. Tại bản án số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 29/8/2024 của Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi) đã giải quyết xong về quan hệ hôn nhân và con chung. Riêng về tài sản chung do nguyên đơn và bị đơn rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử. Nay, giữa anh sang và chị Ú không thoả thuận được về việc chia tài sản chung nên anh S yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn, cụ thể:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh S và chị Ú có tài sản chung sau: Tháng 12/2023 anh S và chị Ú được cha đẻ của anh S cho số tiền 300.000.000đồng. Lý do cha của anh S cho tiền là vì trước đó anh S có phụ làm rẫy cà phê với cha mẹ đẻ nên khi thu hoạch cà phê thì cha của anh S đã cho vợ chồng anh số tiền trên.

Sau khi được cho số tiền nêu trên thì vợ chồng anh S đã gửi toàn bộ số tiền nêu trên vào tài khoản 0631000418765 của chị Ú tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N (lúc này hai vợ chồng cùng đi gửi nhưng đứng tên người gửi là chị Ú). Đến ngày 25/12/2023, anh S và chị Ú thống nhất gửi tiết kiệm số tiền nêu trên để kiếm lãi nên trong ngày 25/12/2023 anh S và chị Ú đến Ngân hàng Thương mại cổ phần N – Phòng G rút 270.000.000đồng, đồng thời, ra trụ ATM rút số tiền mặt 9.000.000đồng. Sau đó, anh S và chị Ú bù thêm 1.000.000đồng tiền mặt cho đủ số tiền 280.000.000đồng và đem toàn bộ số tiền nêu trên gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đứng tên chị Ú trong sổ tiết kiệm. Số tiền còn lại trong tài khoản của chị Ú tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N thì chị Ú đã sử dụng để chi tiêu trong gia đình nên anh S không yêu cầu giải quyết.

Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ngày 19/02/2024 chị Ú nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh S. Đến ngày 29/02/2024 chị Ú tự ý rút toàn bộ số tiền 280.000.000đồng đã gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đứng tên chị Ú nhưng không trao đổi gì với anh S về việc rút số tiền nêu trên. Từ khi rút số tiền nêu trên đến nay thì chị Ú đã sử dụng số tiền nêu trên vào việc

gì anh S hoàn toàn không biết. Từ khi chị Ú nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến nay thì chị Ú và anh S không sống chung, không ăn uống, chi tiêu chung khoản tiền nào của vợ chồng. Việc chị Ú cho rằng số tiền 280.000.000đồng gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đứng tên chị Ú vào ngày 25/12/2023 là tiền của dì chị Ú tên Đầu Thị Xuân B nhờ gửi Ngân hàng là không đúng, chị Ú cũng không có căn cứ gì chứng minh số tiền trên là của bà B nhờ gửi Ngân hàng. Trong đơn khởi kiện xin ly hôn trước đây chị Ú trình bày tài sản chung đã chi tiêu hết chứ không trình bày vợ chồng không có tài sản chung. Do đó, anh S yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là số tiền 280.000.000đồng gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vào ngày 25/12/2023 đứng tên chị Ú và chị Ú đã tự ý rút vào ngày 29/02/2024 cho anh S và chị Ú, mỗi người 140.000.000đồng. Do chị Ú đang quản lý số tiền nêu trên nên buộc chị Ú phải có nghĩa vụ trả lại cho anh S số tiền 140.000.000đồng.

Tại bản trình bày ý kiến đề ngày 21/3/2025, biên bản đối chất ngày 12/6/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ú và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Nguồn gốc số tiền 280.000.000đồng gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đứng tên chị Ú vào ngày 25/12/2023 là của bà Đầu Thị Xuân B (dì của chị Ú) nhờ vợ chồng chị Ú gửi Ngân hàng để lấy lãi mua sữa cho con của chị Ú và đóng bảo hiểm cho bà B. Tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền trên là của bà B nhờ vợ chồng chị Ú gửi Ngân hàng thì chị Ú không có để cung cấp cho Tòa án, nhưng khi bà B giao số tiền trên cho vợ chồng chị Ú thì có mẹ đẻ của chị Ú là bà Đầu Thị Xuân P làm chứng. Lý do bà B nhờ vợ chồng chị Ú gửi tiền vào Ngân hàng là do bà B không có chồng, con, ít học và bà B có nguyện vọng sống chung với vợ chồng chị Ú khi về già.

Từ khi chị Ú nộp đơn khởi kiện xin ly hôn đến nay thì chị Ú và anh S không sống chung, con chung của anh S và chị Ú sống với chị Ú, anh S không phụ cấp nuôi con. Sau khi khởi kiện xin ly hôn, do sợ anh S yêu cầu chia số tiền 280.000.000đồng mà bà B nhờ gửi Ngân hàng nên chị Ú đã rút toàn bộ số tiền nêu trên và đã trả cho bà B xong. Nay anh S cho rằng số tiền 280.000.000đồng gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V vào ngày 25/12/2023 đứng tên chị Ú là tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tiền nêu trên cho anh S, chị Ú, buộc chị Ú phải trả lại cho anh S 140.000.000đồng là không có căn cứ, chị Ú không đồng ý, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S.

Tại đơn trình bày đề ngày 16/8/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng bà Đầu Thị Xuân B trình bày:

Bà là dì ruột của chị Nguyễn Thị Kim Ú, bà không có chồng, con. Trước đây bà có trao đổi bằng miệng với chị Ú và anh S, nhờ các cháu gửi tiền vào Ngân hàng giúp bà với số tiền 280.000.000đồng, lúc trao đổi có anh S ở bên.

Việc bà đưa tiền cho chị Ú gửi vào Ngân hàng là để lấy lãi mua sữa cho con của anh S, chị Ú, mỗi cuối năm rút ra 16.000.000đồng đóng tiền bảo hiểm giúp bà, sau này bà không làm việc nổi nữa thì bà về quê, số tiền còn lại bà lấy để trang trải cuộc sống, đỡ một phần gánh nặng cho gia đình.

Vào sáng ngày 25/12/2023, bà có đưa cho vợ chồng anh S, chị Ú số tiền 280.000.000đồng để gửi giúp bà vào Ngân hàng V. Đây là tiền cá nhân của bà nhờ vợ chồng chị Ú, anh S gửi giúp vào Ngân hàng. Vì vậy, việc anh S yêu cầu chia số tiền 280.000.000đồng là hoàn toàn không đúng pháp luật.

Tại giấy xác nhận đề ngày 13/6/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, người làm chứng bà Đầu Thị Xuân P trình bày:

Vào khoảng giữa tháng 12/2023, bà Đầu Thị Xuân B có về quê và trao đổi với bà nhờ chị Nguyễn Thị Kim Ú và anh Nguyễn Thanh S gửi giúp số tiền 280.000.000đồng vào Ngân hàng để lấy lãi. Sáng ngày 25/12/2025 bà thấy anh S chở chị Ú đến gặp bà B để nhận tiền đi gửi Ngân hàng. Lúc nhận tiền có bà chứng kiến, anh S là người đếm tiền, sau đó anh S là người chở chị Ú đi gửi tiền vào Ngân hàng. Số tiền 280.000.000đồng là khoản tiền mà bà B đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh tích góp được trong một thời gian dài.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Thẩm phán chưa thực hiện đúng quy định về xử lý đơn khởi kiện, thông báo yêu cầu người khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện cung cấp bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp tài liệu, chứng cứ là không phù hợp. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng đúng theo quy định tại các điều 70, 71, 72 và 78 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S về việc chia tài sản sau khi ly hôn. Chia đôi tài sản chung là số tiền 280.000.000đồng cho anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú, mỗi người được nhận số tiền 140.000.000đồng. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ú phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Thanh S số tiền 140.000.000đồng. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh S khởi kiện bà Nguyễn Thị Kim Ú, yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn*” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quyền khởi kiện: Tại bản án số 31/2024/HNGĐ-ST ngày 29/8/2024, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi) đã đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về chia tài sản chung do nguyên đơn và bị đơn rút yêu cầu về chia tài sản chung. Do đó, ông Nguyễn Thanh S có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu chia tài sản chung theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ú có nơi cư trú tại thôn N, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là thôn N, xã N, tỉnh Quảng Ngãi). Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Ngày 01/7/2025 Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi được thành lập. Căn cứ theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân thì Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi và Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi. Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi đối với 13 đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có xã N (được nhập từ xã P và xã P cũ). Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào sao kê tài khoản của chị Nguyễn Thị Kim Ú tại Ngân hàng thương mại cổ phần N (V1) – Chi nhánh Q – Phòng G ngày 26/8/2024 và ý kiến trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thể hiện: Ngày 25/12/2023 chị Nguyễn Thị Kim Ú rút tổng số tiền 279.000.000 đồng từ số tài khoản

0631000418765, trong đó: Rút tại phòng giao dịch của V1 số tiền 270.000.000đồng, rút tại trụ ATM số tiền 9.000.000đồng.

[2.2] Căn cứ ý kiến trình bày của các bên đương sự và thông tin do Ngân hàng thương mại cổ phần V – Phòng G cung cấp, thể hiện: Ngày 25/12/2023 chị Nguyễn Thị Kim Ú có gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 280.000.000đồng, chị Ú là người đứng tên trong sổ tiết kiệm và đã rút hết số tiền trên vào ngày 29/02/2024.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim Ú và những người làm chứng là bà Đầu Thị Xuân B (dì của chị Ú), bà Đầu Thị Xuân P (mẹ của chị Ú) trình bày: Ngày 25/12/2023 bà Đầu Thị Xuân B có đưa cho chị Nguyễn Thị Kim Ú và anh Nguyễn Thanh S số tiền 280.000.000đồng để nhờ anh S, chị Ú gửi giúp vào Ngân hàng thương mại cổ phần V. Như vậy, có thể xác định số tiền 279.000.000đồng mà chị Ú đã rút từ tài khoản tại V1 vào ngày 25/12/2023 không liên quan gì đến bà Đầu Thị Xuân B.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Kim Ú cho rằng trong số tiền 279.000.000đồng mà chị Ú đã rút từ tài khoản tại V1 vào ngày 25/12/2023 thì chị Ú đã đưa cho anh S 270.000.000đồng để trả cho mẹ của anh S, còn 9.000.000đồng chị Ú đưa cho mẹ của anh S để chi tiêu, mua đồ tết nhưng chị Ú không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; đồng thời, anh S cũng không thừa nhận lời khai trên của chị Ú. Do đó, việc anh Nguyễn Thanh S cho rằng sau khi rút số tiền 279.000.000đồng nêu trên thì vợ chồng có thêm vào 1.000.000đồng và đem gửi tiết kiệm số tiền 280.000.000đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần V là có căn cứ.

[2.5] Đối với ý kiến của chị Nguyễn Thị Kim Ú cho rằng số tiền 280.000.000đồng do chị Ú đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V vào ngày 25/12/2023 là tiền của bà Đầu Thị Xuân B nhờ vợ chồng chị Ú gửi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Đầu Thị Xuân B là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tại thời điểm ngày 25/12/2023 bà B mới 50 tuổi, hoàn toàn minh mẫn nên không cần thiết phải nhờ vợ chồng chị Ú gửi giúp tiền vào Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh S không thừa nhận việc bà B có giao cho vợ chồng anh số tiền 280.000.000đồng để nhờ gửi tiết kiệm vào Ngân hàng thương mại cổ phần V. Ngoài lời khai của chị Ú, bà B và bà P thì chị Ú không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh số tiền 280.000.000đồng do chị Ú đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V vào ngày 25/12/2023 là tài sản của bà B. Do đó, việc chị Ú cho rằng số tiền 280.000.000đồng do chị Ú đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V vào ngày 25/12/2023 là tiền của bà Đầu Thị Xuân B là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.6] Như vậy, số tiền 280.000.000đồng do chị Nguyễn Thị Kim Ú đứng tên gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V vào ngày 25/12/2023 là

tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ú không chứng minh được số tiền nêu trên là tài sản riêng của chị Ú. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần xác định số tiền 280.000.000đồng nêu trên là tài sản chung của anh S và chị Ú.

[2.7] Ngày 29/02/2025 chị Nguyễn Thị Kim Ú đã tự ý rút toàn bộ số tiền 280.000.000đồng gửi tiết kiệm tại Ngân hàng thương mại cổ phần V. Tại thời điểm chị Ú rút số tiền nêu trên thì chị Ú đã có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Thanh S. Quá trình giải quyết vụ án, chị Ú không chứng minh được đã sử dụng số tiền nêu trên cho mục đích chung của vợ chồng hay các nhu cầu thiết yếu của gia đình nên có căn cứ xác định chị Ú là người đang quản lý số tiền 280.000.000đồng nêu trên. Vì vậy, anh Nguyễn Thanh S khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung của anh và chị Ú đối với số tiền 280.000.000đồng nêu trên, mỗi người được nhận số tiền 140.000.000đồng, buộc chị Ú phải có nghĩa vụ trả lại cho anh số tiền 140.000.000đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú, mỗi người được chia tài sản chung là 140.000.000đồng. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú, mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $140.000.000\text{đồng} \times 5\% = 7.000.000\text{đồng}$.

Số tiền 3.500.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh S đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh S phải chịu. Anh Nguyễn Thanh S còn phải nộp tiếp số tiền 3.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 213 và 219 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 29, 33 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

2. Xác định số tiền 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) mà chị Nguyễn Thị Kim Ú đã gửi tiết kiệm vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần V – Phòng G và chị Ú đã rút vào ngày 29/02/2024 là tài sản chung của anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú.

3. Chia đôi tài sản chung là số tiền 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng) cho anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Kim Ú, mỗi người được nhận số tiền 140.000.000đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

4. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Ú phải có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Thanh S số tiền 140.000.000đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng).

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 7.000.000đồng (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004787 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Quảng Ngãi) sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí anh S phải chịu. Anh Nguyễn Thanh S còn phải nộp tiếp số tiền 3.500.000đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kim Ú chịu 7.000.000đồng (bảy triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong